

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Nguyễn Văn Kiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên .

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2021/TLST- HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Lê Văn D, sinh năm 1989

Tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn Tr , xã T, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Q và bà: Bùi Thị Th; vợ: Nguyễn Thị Nh (đã ly hôn) ; con: có 01 con, sinh năm 2012; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hồ Đức Tr, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn X, xã Ch, huyện L, tỉnh B.

* Người làm chứng:

- Chị Phùng Thị Ch, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh B;

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B;

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Đều cư trú: tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 04/10/2020 Lê Văn D – sinh năm 1989 trú tại thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh B đang đi ngồi uống nước ở khu vực ngã tư Ng thuộc thị trấn C, huyện T thì có Hồ Đức Tr - sinh năm 1993, trú tại thôn X, xã Ch, huyện L, tỉnh B dùng số điện thoại 0325828997 gọi vào số điện thoại 0356203233 của D, trao đổi với D qua điện thoại, Tr bảo D “bán cho hai một”. D hiểu ý của Tr là hỏi mua 200.000 đồng tiền ma túy tổng hợp dạng đá và 100.000 đồng tiền ma túy tổng hợp dạng hồng phiến, D đồng ý. Tr hẹn D mang ma túy đến phòng 204 nhà nghỉ X của gia đình anh Nguyễn Văn Kh- sinh năm 1971 ở tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B. Sau khi nghe điện thoại của Tr, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9626 đi đến đoạn đường tỉnh lộ 295 thuộc khu vực xã Ng, huyện T, tỉnh B (D không nhớ địa điểm cụ thể) gặp một người đàn ông không quen biết có đặc điểm khoảng 50 tuổi, cao khoảng 1.65 m, da ngăm đen. Qua nói chuyện D biết người đàn ông này có ma túy bán nên D hỏi mua của hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy tổng hợp dạng đá và ma túy tổng hợp dạng hồng phiến, người đàn ông này đưa cho D 04 đoạn ống nhựa có dọc kẻ được hàn kín hai đầu, trong đó 2 đoạn ống nhựa bên trong mỗi đoạn đựng 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt có chữ “WY” và 2 đoạn ống nhựa bên trong mỗi đoạn đựng các chất tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp. D trả cho người đàn ông này số tiền 300.000 đồng, sau đó D cầm 04 đoạn ống nhựa đựng ma túy ở tay điều khiển xe mô tô đến phòng 204 nhà nghỉ X. Khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày, D vào phòng 204 nhà nghỉ X thì gặp Hồ Đức Tr và Phùng Thị Ch- sinh năm 1995 trú tại thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh B đang ở trong phòng. D và Tr ngồi ở bàn uống nước còn Ch nằm ở giường, D để 04 đoạn ống nhựa ma túy vừa mua được ở bàn, Tr nhờ D đốt số ma túy Tr mua lên để sử dụng. D lấy 01 đoạn ống nhựa đựng ma túy tổng hợp dạng đá và 01 ống nhựa đựng ma túy tổng hợp dạng hồng phiến đổ ra đoạn giấy bạc đốt lên đưa cho Tr, sau đó Tr và D cùng nhau sử dụng hết số ma túy trên. Sau khi sử dụng ma túy xong lúc này khoảng 17 giờ 30 phút, Tr trả D 300.000 đồng tiền mua ma túy, D cầm tiền để lên mặt bàn, đúng lúc này thì lực lượng Công an tỉnh B đến bắt quả tang D có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm:

- Thu giữ tại mặt bàn trong phòng 204 nhà nghỉ X:
 - + 02 đoạn ống nhựa được hàn kín hai đầu có dọc kẻ, ở bên trong đựng 01 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của viên nén có ký hiệu “WY”. 01 đoạn ống nhựa có dọc kẻ được hàn kín hai đầu bên trong đựng các chất tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu “QT”.
 - + 02 đoạn ống nhựa được hàn kín 01 đầu.
 - + Số tiền 300.000 đồng thu giữ trên mặt bàn.
 - + 01 đoạn giấy bạc ở một mặt màu đen không bám dính chất gì.
 - + 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, ở trên nắp được gắn nhiều đoạn ống nhựa là dụng cụ để sử dụng ma túy.

+ 01 điện thoại di động Nokia màu xanh số seri 356489067883681.

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9626.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa phương, xác định Lê Văn D thường xuyên ăn ở, sinh sống tại nhà anh Nguyễn Tiến Q – sinh năm 1976 trú tại Tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, ngày 04/10/2020, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B tiến hành khám xét nơi ở của D tại nhà anh Nguyễn Tiến Q, kết quả khám xét thu giữ: 01 giấy chứng minh nhân dân số 122016471 mang tên Lê Văn D.

Tại kết luận giám định số 1442 ngày 6/10/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

“ Trong 01 (một) phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định:

- 01 (một) viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của viên nén có chữ “WY” (đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0,102 gam, loại Methamphetamine.

- Chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 (một) đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0,074 gam, loại Methamphetamine.

Ngày 07/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã chuyển hồ sơ vụ án và vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát huyện T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Lê Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 2 năm 2 tháng tù đến 2 năm 4 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2020. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Tại phiên tòa bị cáo D thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên họ đã có lời khai trong quá trình điều tra. Sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 04/10/2020, tại phòng 204 nhà nghỉ X của gia đình anh Nguyễn Văn Kh – sinh năm 1971 ở tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh B, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B phát hiện bắt quả tang Lê Văn D – sinh năm 1989 trú tại thôn Tr, xã T, huyện T, tỉnh B có hành vi bán trái phép 02 đoạn ống nhựa bên trong đựng ma túy với giá 300.000 đồng cho Hồ Đức Tr - sinh năm 1993, trú tại thôn X, xã Ch, huyện L, tỉnh B. Đồng thời Lê Văn D còn tàng trữ 0,176 gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích bán kiếm lời.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Do vậy, bản Cáo trạng truy tố bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tham gia quân ngũ 1 năm 6 tháng tại Trung đoàn 923, sư đoàn 371. Gia đình bị cáo hiện đang thờ cúng liệt sỹ Bùi Văn S. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng Điều 38 BLHS để xét xử bị cáo hình phạt tù tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có thu nhập, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ bán ma túy cho D ở khu vực xã Ng, huyện T, Cơ quan điều tra đã tiến hành tiến hành xác minh trên địa bàn xã Ng, huyện T nhưng do không có thông tin cá nhân của người đàn ông này nên Cơ quan điều tra không xác định được người đàn ông bán ma túy cho D là ai, ở đâu nên ngày 31/12/2020 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tách toàn bộ tài liệu liên quan đến người đàn ông này ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ thì xử lý sau.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn Kh, chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 ở tổ dân phố Đ, thị trấn C, huyện T là vợ anh Kh chủ nhà nghỉ X, anh Kh và chị Th đều không biết việc Tr và D mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 204 của nhà nghỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh Kh và chị Th.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Văn D và Hồ Đức Tr ngày 31/12/2020, Công an huyện T đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền số tiền 750.000 đồng đối với Lê Văn D và Hồ Đức Tr về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[8] Về vật chứng:

- Trong 01 phong bì có ký hiệu "QT": 01 viên ném màu hồng đỏ (đựng trong 01 đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0,068 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0.051 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Giang có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định. Đây số ma túy thu giữ khi bắt quả tang và là ma túy của Lê Văn D sau khi bán cho Tr còn lại, số ma túy này D để bán kiếm lời là vật cấm lưu hành nên HĐXX thấy cần phải tịch thu tiêu hủy.

- 02 đoạn ống nhựa được hàn kín 01 đầu thu giữ trên mặt bàn khi bắt quả tang là 02 đoạn ống nhựa đựng ma túy Tr mua của D đã sử dụng hết; 01 đoạn giấy bạc ở một mặt màu đen không bám dính chất gì và 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, ở trên nắp được gắn nhiều đoạn ống nhựa là dụng cụ Tr và D dùng để sử dụng ma túy không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 300.000 đồng là tiền D bán ma túy cho Tr có được là tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh số seri 356489067883681 là điện thoại của D dùng để liên lạc với Tr trao đổi mua bán ma túy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9626, quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe mô tô này D khai là xe D mua của một người tên là Th từ lâu để làm phương tiện đi lại, ngày 04/10/2020 D sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy sau đó về bán cho Tr. Cơ quan điều tra đã tra cứu nguồn gốc chiếc xe mô tô

này đăng ký chủ xe là Nguyễn Đạt Th- sinh năm 1972 trú tại thôn H, xã C, huyện T, tỉnh B. Tuy nhiên, quá trình điều tra anh Thiệu khai anh đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người nam thanh niên anh không nhớ tên, tuổi, địa chỉ ở khu vực xã Nh, huyện T. Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98F8-9626 là tài sản hợp pháp dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nước.

- 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: bị cáo D thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 26 (hai mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 04/10/2020. Không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Trong 01 phong bì có ký hiệu "QT": 01 viên ném màu hồng đỏ (đựng trong 01 đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0,068 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Chất tinh thể màu trắng (đựng trong 01 đoạn ống nhựa có dọc kẻ, được hàn kín hai đầu) là ma túy, có khối lượng 0.051 gam, loại Methamphetamine, được hoàn lại sau giám định. Phong bì được niêm phong lại bằng dấu của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Giang có chữ ký của giám định viên và đại diện cơ quan trưng cầu giám định.

+ 02 đoạn ống nhựa được hàn kín 01 đầu.

+ 01 đoạn giấy bạc ở một mặt màu đen.

+ 01 chai nhựa có nắp màu đỏ, ở trên nắp được gắn nhiều đoạn ống nhựa.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đang thu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T tại Kho bạc nhà nước huyện Tân Yên; 01 xe mô tô biển kiểm soát 98F8-9626 cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng; 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh, số seri 356489067883681, không kiểm tra chất lượng.

- Trả lại cho bị cáo D 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn D.

3.Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu Hs, Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Oanh